

Số: /KH-SCT

Khánh Hòa, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

Triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số của Sở Công Thương giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Công Thương ban hành Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 với những nội dung cụ thể sau đây:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022;

- Công văn số 1182/STTTT-CNTTBCVT ngày 10/5/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022.

II. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong nội bộ cơ quan

a) Từng bước ứng dụng linh hoạt các quy định của pháp luật trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số.

b) Nâng cấp, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của cơ quan.

c) Từng bước nâng cấp, mở rộng và phát triển mới hệ thống thông tin phục vụ quản lý lĩnh vực của các cơ quan, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

d) 100% văn bản trao đổi giữa Sở với các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và 100% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

e) Triển khai thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh qua Hệ thống báo cáo của tỉnh.

f) Công chức chuyên trách về CNTT của Sở và đơn vị trực thuộc được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu thực thi các nhiệm vụ thực tế.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Trang thông tin điện tử của Sở cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

b) Đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến của Sở đủ điều kiện được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến của tỉnh được xác thực điện tử.

c) 100% thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện được công bố thực hiện trực tuyến ở mức độ 3, 4, trong đó 80% TTHC mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

d) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của Sở đạt từ 35% trở lên (hoặc tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết các TTHC được công bố trực tuyến đạt từ 55% trở lên); tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin (ATTT) mạng tại Sở, tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất ATTT mạng.

b) Tham gia, duy trì mạng lưới hệ thống giám sát ATTT mạng của tỉnh, đảm bảo liên kết, liên thông, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố ATTT mạng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Tổ chức triển khai và duy trì bảo đảm ATTT mô hình 4 lớp (Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát tỉnh) theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý ATTT mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

e) Nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác ATTT cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT; tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản đảm bảo ATTT cho người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan.

Cử công chức chuyên trách CNTT tham gia các lớp đào tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin.

4. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

a) Tăng cường năng lực hạ tầng kỹ thuật của Sở, đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền số.

b) Chuyển đổi IPv6 cho các hệ thống thông tin tại cơ quan.

c) Kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

a) Quán triệt, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về triển khai ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số.

b) Phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định, quy chế khai thác, sử dụng HTTT, cơ sở dữ liệu đã được UBND tỉnh ban hành, đảm bảo phù hợp với các nội dung quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

c) Chủ động liên kết, thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số trong cơ quan; ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước và thuê dịch vụ CNTT theo quy định.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Triển khai chuyển đổi IPv6 cho Trang thông tin điện tử Sở; các phần mềm dùng chung và các dịch vụ Internet cơ bản đang được triển khai ở cơ quan.

b) Bổ sung hạng mục về IPv6 trong các đề án, dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT, đảm bảo các thiết bị và HTTT có kết nối internet được nâng cấp hoặc đầu tư mới phải tương thích và sẵn sàng cho việc sử dụng IPv6.

c) Khai thác, sử dụng hiệu quả ứng dụng chữ ký số đã được tích hợp trong các phần mềm dùng chung mà cơ quan đang sử dụng.

3. Phát triển dữ liệu

a) Triển khai số hóa, tạo lập dữ liệu kết quả giải quyết TTHC vào kho quản lý dữ liệu kết quả giải quyết TTHC điện tử (đối với các kết quả giải quyết TTHC mới hình thành) và trên các phân hệ thành phần thuộc Bộ phần mềm quản lý CSDL kết quả giải quyết TTHC (đối với các kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực cần số hóa) sau khi được đào tạo, tập huấn sử dụng các chức năng phần mềm.

b) Triển khai tạo lập và nộp hồ sơ lưu trữ điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành ngay sau khi được cập nhật bản nâng cấp.

4. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

4.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh, các phần mềm chuyên ngành ứng dụng GIS tỉnh đã đầu tư. Tập trung nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Tăng cường sử dụng, trao đổi văn bản điện tử, ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong liên thông văn bản điện tử.

b) Triển khai thuê dịch vụ hệ thống họp trực tuyến hoặc sử dụng phần mềm họp trực tuyến có sẵn phục vụ công tác chuyên môn, công tác phòng, chống dịch trong thời gian chờ thủ tục đầu tư theo quy định.

c) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ số mới, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, tích hợp ISO điện tử.

d) Tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ trong trao đổi văn bản điện tử với các cơ quan trên địa bàn tỉnh và các cơ quan bộ, ngành Trung ương; triển khai sử dụng chữ ký số trong các loại hình giao dịch điện tử phục vụ quản lý, điều hành, xử lý công việc và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

đ) 100% công chức, viên chức và người lao động sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh Khánh Hòa (@khanhhoa.gov.vn) và các hệ thống thư công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai tại địa phương; không sử dụng các hệ thống thư điện tử công cộng trong hoạt động công vụ.

e) Đẩy mạnh tổ chức đấu thầu qua mạng (nếu có), phần đấu hoàn thành chỉ tiêu theo lộ trình triển khai của tỉnh.

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Rà soát, đánh giá tình hình cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp chức năng, trang bị giải pháp an toàn thông tin cho Trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Rà soát, cập nhật danh mục TTHC thực hiện trực tuyến, thanh toán trực tuyến, áp dụng dịch vụ bưu chính công ích. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy hiệu quả mạng lưới bưu chính công ích và chính quyền cơ sở trong công tác hỗ trợ thúc đẩy người dân, doanh nghiệp thay đổi hành vi thực hiện TTHC.

c) Tham gia xây dựng và tổ chức triển khai có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến khách hàng trong hoạt động cung cấp, giải quyết TTHC cho toàn tỉnh và các tiện ích khác.

d) Tiếp tục triển khai sử dụng có hiệu quả các ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp như: phần mềm quản lý và công bố kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và các ứng dụng, tiện ích khác.

4.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực xúc tiến thương mại

Triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch số 3060/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022 và kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025 và Kế hoạch Phát triển Thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 (được ban hành kèm theo Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa).

(Kèm theo Phụ lục)

5. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng; Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT; Kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo lộ trình.

c) Hoàn thành xác định cấp độ an toàn cho các HTTT và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ được phê duyệt; thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn HTTT theo cấp độ; thực hiện xác định cấp độ trong quá trình xây dựng mới hoặc nâng cấp HTTT theo quy định.

d) Cử công chức, viên chức phụ trách CNTT tham gia các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ. Phổ biến kiến thức, hướng dẫn kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động công vụ cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ thông tin, dữ liệu trên môi trường số.

đ) Định kỳ 6 tháng và hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng đối với HTTT; kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu giám sát, cảnh báo sự cố an toàn thông tin mạng với Trung tâm giám sát an toàn thông tin của tỉnh và Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; có kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức và sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

6. Phát triển nguồn nhân lực

a) Lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức, viên chức tham gia vào các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh, thành viên Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo và cho các đối tượng khác có liên quan tham gia tập huấn về chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số.

b) Cử cán bộ, công chức tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức; tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo, sự kiện khác về chuyển đổi số, ATTT do cơ quan Trung ương tổ chức.

c) Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cử, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước tham gia thi tuyển và học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

d) Đẩy mạnh, đổi mới công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Về môi trường chính sách

a) Kịp thời triển khai cơ chế, chính sách của Chính phủ về ưu tiên đầu tư, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả tại cơ quan.

b) Thực hiện chuẩn hóa quy trình; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan.

c) Phát huy hiệu quả hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT hàng năm đối với cơ quan; Tăng cường kiểm tra, thường xuyên rà soát, đánh giá những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng ứng dụng CNTT của Sở nói riêng và xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh nói chung.

d) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua việc ứng dụng đa dạng các kênh truyền thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân; khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền. Nâng cấp, tích hợp các tiện ích, ứng dụng cung cấp thông tin và hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với Trang thông tin điện tử Sở và các HTTT khác của Sở.

e) Tích hợp các tiện ích, ứng dụng cung cấp thông tin và hỗ trợ tương tác trực tuyến giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước trên Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở.

f) Tích cực truyền thông quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, lợi ích và cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube và các nền tảng khác.

g) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong các hoạt động: Tiếp nhận/ trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; thanh toán trực tuyến và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công.

h) Ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất đưa ứng dụng công nghệ số vào các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số tại cơ quan như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối và các ứng dụng khác.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục các dự án, nhiệm vụ phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng Sở Công Thương năm 2022 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở.

- Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Kế hoạch này tại phòng, đơn vị; chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao, các nhiệm vụ phối hợp (nếu có) và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định, trong đó cần nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu các phòng, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện, nêu gương, đi đầu trong công tác chuyển đổi số.

- Thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình qua nội dung chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn để từ đó nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ mới, các sáng kiến kinh nghiệm,... nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động của Sở nói chung và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Giao Văn phòng

- Tham mưu tổ chức triển khai các dự án, nhiệm vụ CNTT (công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án/nhiệm vụ, lựa chọn nhà thầu, triển khai và nghiệm thu hợp đồng,...) bảo đảm đúng quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.

- Thực hiện báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch này về Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

Trên đây là Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Sở Công Thương. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Trưởng các phòng, đơn vị báo cáo Giám đốc Sở (thông qua Văn phòng) để xem xét, hướng dẫn kịp thời hoặc tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TT&TT;
- Các PGĐ Sở (chỉ đạo);
- Các phòng, đơn vị (thực hiện);
- Lưu: VT, VP (HN)

GIÁM ĐỐC

Lê Thu Hải